TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MS** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2023/DS-ST Ngày: 03-8-2023 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Quân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cầm Văn Tổ
2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 và ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 86/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tiểu khu 6, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1986 và ông Bùi Xuân T1 sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản PK, xã PP, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày như sau:

Ngày 26/8/2022, qua giới thiệu của người quen ông có lên gặp ông Bùi Xuân T1 và bà Nguyễn Thị T (trú tại bản PK, xã PP, huyện MS, tỉnh Sơn La) đặt vấn đề mua cây đào. Ông T1, bà T đã nhất trí thỏa thuận sẽ bán cho ông khoảng 1000 gốc đào với giá 260.000VNĐ/gốc. Ông đã đặt cọc số tiền 50.000.000VNĐ và hẹn sau ba tháng sẽ lên đào gốc đào. Tuy nhiên, số cây đào

này sau đó ông T1, bà T lại bán cho người khác nhưng không trả cho ông số tiền cọc 50.000.000VNĐ ban đầu. Đến ngày 09/02/2023, sau nhiều lần gặp gỡ, hai bên thống nhất ông T1, bà T viết giấy vay nợ lại ông số tiền 50.000.000VNĐ này. Trong giấy ghi rõ ông T1, bà T hẹn đến ngày 28/02/2023 thì trả 25.000.000VNĐ, đến ngày 28/3/2023 thì trả nốt số tiền 25.000.000VNĐ. Tuy nhiên, ông T1, bà T không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên ông khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông T1, bà T phải trả ông số tiền 50.000.000VNĐ theo giấy vay tiền ngày 09/02/2023, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Vợ chồng ông bà không có mối quen hệ quen biết hay thân thiết gì với ông Nguyễn Văn C. Ông C được người quen giới thiệu lên gặp ông bà để mua gốc đào vào cuối tháng 8/2022. Hai bên có thỏa thuận ông bà sẽ bán cho ông C khoảng 1000 gốc đào với giá 260.000VNĐ/gốc. Ông C có đặt cọc trước 50.000.000VNĐ. Do ông bà làm chung với người khác nên số gốc đào hẹn bán cho ông C đã bị bán mất. Do việc thu mua gốc đào không được thực hiện như thỏa thuận ban đầu nên hai bên thống nhất ông bà viết giấy nhận nợ lại ông C số tiền ông C đã đặt cọc là 50.000.000VNĐ do ông bà chưa có tiền để trả lại ngay cho ông C. Giấy vay tiền được viết vào ngày 09/02/2023 do chính bà T là người viết, hẹn đến ngày 28/02/2023 trả 25.000.000VNĐ và ngày 28/3/2023 trả nốt 25.000.000VNĐ còn lại. Ông C có yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả 10.000.000VNĐ cho tiền C đi lại của ông C, ông bà cũng nhất trí và đã chuyển 10.000.000VNĐ này vào tài khoản Ngân hàng BIDV số tài khoản 41210000024330 mang tên Nguyễn Văn C vào ngày 13/01/2023 (trước ngày viết giấy vay tiền). Sau đó ngày 28/02 và ngày 18/4/2023 bà tiếp tục chuyển mỗi lần 10.000.000VNĐ vào số tài khoản trên của ông C. Như vậy theo giấy vay tiền ngày 09/02/2023 thì ông bà chỉ còn nợ lại ông C số tiền là 30.000.000VNĐ. Bà T xác nhận ông bà có trách nhiệm trả số tiền còn nợ lại là 30.000.000VNĐ cho ông C nhưng do ông T1 hiện đang đi làm ăn xa, ông bà chưa có điều kiện để trả lại số tiền này cho ông C. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo ý kiến của bà đã trình bày và đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, cam kết có trách nhiệm thông báo lại cho ông T1 các văn bản tống đạt của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Những người tiến hành tố tụng và đương sự đều chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng:

- Điều 463, 465, 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

C nhận việc vay nợ giữa bên cho vay là ông Nguyễn Văn C và bên vay là ông Bùi Xuân T1, bà Nguyễn Thị T theo Giấy vay tiền mặt lập ngày 09/02/2023.

Buộc ông Bùi Xuân T1, bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền là 30.000. 000VNĐ (Ba mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn C cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Xuân T1, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/năm).

Về án phí: Ông Bùi Xuân T1, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận hai bên đã thống nhất chuyển số tiền đặt cọc mua gốc đào của ông C với ông T1, bà T thành tiền vay. Hai bên viết thành giấy vay tiền có hẹn về thời gian trả tiền nhưng do bị đơn vi phạm về nghĩa vụ trả tiền nên phát sinh tranh chấp. Do bị đơn cư trú trên tại bản PK, xã PP, huyện MS, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân dân huyện MS thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị T có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Bùi Xuân T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định đã thống nhất với bị đơn chuyển số tiền đã đặt cọc mua gốc đào thành tiền cho vay. Hai bên viết giấy vay tiền đề ngày 09/02/2023. Thời hạn trả là ngày 28/02/2023 trả 25.000.000VNĐ, ngày 28/3/2023 trả số tiền 25.000.000VNĐ, không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 50.000.000VNĐ. Tuy nhiên, trong đơn xin xét xử vắng mặt ông C xác nhận ông T1, bà T chỉ còn nợ lại số tiền 30.000.000VNĐ nên thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà T, ông T1 phải trả số tiền còn nợ lại là 30.000.000VNĐ.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị T đã xác nhận vợ chồng bà còn nợ lại ông C số tiền 30.000.000 VNĐ. Do ông T1 đi làm ăn xa nên chưa có điều kiện để trả tiền này cho ông C. Ông T1 không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Có đủ căn cứ để xác định có việc cho vay tiền mặt giữa ông Nguyễn Văn C và ông Bùi Xuân T1, bà Nguyễn Thị T. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 30.000.000VNĐ không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Bùi Xuân T1, bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông C số tiền là 30.000.000VNĐ.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn C cho đến khi thi hành án xong, bị đơn ông Bùi Xuân T1, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền còn lại chưa thi hành tương ứng mức lãi suất 10%/năm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 463, 465, 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

C nhận việc vay nợ giữa bên cho vay là ông Nguyễn Văn C và bên vay là ông Bùi Xuân T1, bà Nguyễn Thị T theo Giấy vay tiền mặt lập ngày 09/02/2023.

Buộc ông Bùi Xuân T1, bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền là 30.000. 000VNĐ (Ba mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn C cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Xuân T1, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/năm).

Về án phí:

Ông Bùi Xuân T1, bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.500.000 VNĐ (Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Ông Nguyễn Văn C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003168 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện MS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết C khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Minh Quân